

Số: /BC-SNV

Thái Bình, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

Kính gửi:

- Bộ Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Công văn số 3386/UBND-NCKS ngày 16/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc thực hiện báo cáo kết quả CCHC định kỳ của tỉnh, Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình báo cáo kết quả công tác CCHC 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành trên 40 văn bản chỉ đạo công tác CCHC trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số văn bản quan trọng như: Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Bình năm 2023; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 30/12/2022 về việc tuyên truyền CCHC năm 2023; Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Thái Bình; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 24/02/2023 về triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về việc ban hành Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2030...

Ngoài các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC), văn bản chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực, nội dung công tác để điều hành đồng bộ, toàn diện công tác CCHC, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả; các cơ quan, đơn vị đã ban hành kế hoạch CCHC hàng năm để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và triển khai theo thẩm quyền.

Xác định chủ đề năm 2023 là đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả; năm tiếp tục đẩy mạnh CCHC gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, xây dựng Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; năm bản lề thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội sẽ là nền tảng, là động lực, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đề

ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị gặp gỡ, trao đổi với các đồng chí là trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác CCHC và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hội nghị đã quán triệt các đồng chí dự hội nghị cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng, chí nh sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực mà ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách; nâng cao tinh thần trách nhiệm; không ngừng học hỏi, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức công vụ; tập trung phát huy những kết quả tích cực mà ngành, địa phương, đơn vị mình đã đạt được trong thời gian qua; đồng thời thẳng thắn nhìn nhận, chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để kịp thời khắc phục.

Thực hiện Kết luận phiên họp của Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Thái Bình. Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, thành lập Bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo; Kế hoạch hoạt động năm 2023, nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác CCHC tại tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2030”; Văn bản số 6203/BNV-CCHC ngày 8/12/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh; Quyết định số 878/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ Ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh đã thực hiện việc tự đánh giá chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC năm 2022 của tỉnh gửi Bộ Nội vụ theo quy định. Kết quả: Chỉ số CCHC của tỉnh Thái Bình đạt 84,12%, xếp thứ 43/63 tỉnh/thành phố, tăng 7 bậc so với năm 2021 (năm 2021, xếp thứ 50/63 tỉnh/thành phố); Chỉ số SIPAS năm 2022 của tỉnh đạt 83,13%, xếp vị trí thứ 13/63 tỉnh, thành phố, tăng 27 bậc so với năm 2021 (năm 2021 xếp hạng 40).

Đối với Chỉ số CCHC của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Căn cứ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2030” và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về việc Ban hành Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2030. Quyết định này thay thế Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc ban hành Đề án xác định chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Quyết định số 3088/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bộ khung đánh giá kết

quả CCHC của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình để phù hợp với các quy định mới của Trung ương và của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 24/02/2023 về việc triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Hội đồng thẩm định, Tổ Giúp việc Hội đồng thẩm định đã thực hiện thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố.

Đối với Chỉ số CCHC cấp xã: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai đánh giá kết quả CCHC của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và hoàn thành, báo cáo kết quả về Sở Nội vụ trước ngày 31/3/2023.

Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Bình năm 2023 gồm 30 nhiệm vụ trọng tâm, giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch. Đến thời điểm báo cáo tỉnh đã hoàn thành 12/30 nhiệm vụ trọng tâm, đạt 40% Kế hoạch. Các nhiệm vụ đều hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Các nhiệm vụ còn lại phần lớn là các nhiệm vụ thực hiện thường xuyên trong năm.

Công tác kiểm tra CCHC: Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thanh tra, kiểm tra công vụ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023; Quyết định số 2634/QĐ-SNV ngày 14/12/2022 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023, Sở Nội vụ đã hoàn thành thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo đúng thời gian quy định; việc kiểm tra CCHC được tiến hành bắt đầu từ Quý III/2023.

Thực hiện Văn bản số 2403/BNV-CCHC ngày 22/5/2023 của Bộ Nội vụ về việc kiểm tra CCHC, đánh giá việc sử dụng và tác động của Chỉ số PAR Index, SIPAS, Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực CCHC tỉnh đã làm việc với Đoàn kiểm tra; Đoàn kiểm tra Cải cách hành chính đã làm việc và kiểm tra thực tế tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Quỳnh Mỹ, Quỳnh Bảo và huyện Quỳnh Phụ và Lãnh đạo Sở Nội vụ; đại diện UBMTTQ Việt Nam tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Bưu điện tỉnh; đại diện Lãnh đạo và công chức liên quan của các cơ quan cấp tỉnh thuộc đối tượng kiểm tra. Sở Nội vụ đã xây dựng báo cáo kết quả công tác CCHC, việc sử dụng và tác động của Chỉ số PAR Index, SIPAS tại tỉnh báo cáo Đoàn kiểm tra của Bộ Nội vụ.

Công tác tuyên truyền CCHC: Thực hiện Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyên truyền CCHC năm 2023, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện. Báo Thái Bình, Đài phát thanh và Truyền hình Thái Bình thường xuyên đưa tin bài về CCHC, cải cách TTHC, giới thiệu các văn bản quy phạm

pháp luật về cải cách TTHC. Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình duy trì tốt chuyên mục CCHC hàng tuần, trong đó tập trung tuyên truyền các vấn đề cần biết khi thực hiện TTHC, chú trọng một số lĩnh vực chủ yếu như: cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, hộ tịch, hộ khẩu, xuất nhập cảnh, xử phạt vi phạm hành chính, khiếu nại, tố cáo... Báo Thái Bình duy trì hàng tuần bài viết về công tác CCHC của tỉnh các thông tin về hoạt động CCHC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: có 110 nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên hệ thống theo dõi đang được thực hiện. Trong đó, 36 nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn, 74 nhiệm vụ đang thực hiện.

(Có Biểu mẫu 01 kèm theo)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác tham gia góp ý, thẩm định dự thảo văn bản QPPL.

** Công tác xây dựng, thẩm định, tham gia ý kiến dự thảo văn bản*

Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức triển khai và thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Sở Tư pháp đã thực hiện tham gia ý kiến đối với 175 dự thảo văn bản do các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương gửi lấy ý kiến⁽¹⁾; thực hiện thẩm định 21 văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh⁽²⁾. Tính

¹ Như: Quyết định giải quyết khiếu nại của công dân xã An Ninh, huyện Tiền Hải; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; Nghị quyết của Chính phủ triển khai Nghị quyết về đẩy mạnh việc THTK, CLP của Quốc Hội; dự thảo Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng; Quyết định giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH môi trường Hùng Dũng; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư; Kế hoạch triển khai Đề án 06 năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Hướng dẫn tạm thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm học 2022-2023; Kế hoạch Triển khai thí điểm chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt áp dụng đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Pháp lệnh ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội tại cộng đồng, trên địa bàn huyện Vũ Thư và Thành phố Thái Bình; Phương án phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023;...

² Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc tỉnh Thái Bình; Nghị quyết Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí và chính sách hỗ trợ học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

đến 31/5/2023, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 14 văn bản QPPL (05 nghị quyết, 09 quyết định), trong đó có một số chính sách quan trọng liên quan đến doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức và người dân³; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành 04 văn bản QPPL.

** Công tác kiểm tra, rà soát và văn bản quy phạm pháp luật*

Để công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện hiệu quả, thống nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Kế hoạch: Số 154/KH-UBND ngày 16/12/2022 về rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023; số 155/KH-UBND ngày 16/12/2022 về thực hiện công tác kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023; số 29/KH-UBND ngày 06/03/2023 hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 công bố danh mục văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành hết hiệu lực thi hành năm 2022(4). Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tư pháp, nhiều địa phương đã chủ động ban hành các văn bản triển khai kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của ngành, địa phương mình.

Về hệ thống hóa văn bản QPPL: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 06/3/2023 hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và triển khai thực hiện.

Trong 6 tháng đầu năm, Sở Tư pháp đã tự kiểm tra tổng số 09 văn bản QPPL và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành hết hiệu lực thi hành năm 2022(5). Đồng thời thực hiện rà soát, lập danh mục, tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng; rà soát, lập danh mục, tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; về giảm nghèo bền vững; về phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.v.v. Ngoài ra, Sở Tư pháp cập nhật 14 văn bản QPPL của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật của Bộ Tư pháp để công dân, doanh nghiệp thuận tiện trong tra cứu.

³ UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành các Quyết định: Số 03/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh quy định quản lý tổ chức bộ máy biên chế, vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Thái Bình; số 04/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 Ban hành Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 07/2023/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 Ban hành Bộ đơn giá bồi thường nhà và công trình xây dựng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 08/2023/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 Ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.v.v.

⁴ Trong đó có 55 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ (20 Nghị quyết, 33 Quyết định và 02 Chỉ thị), 04 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần (03 nghị quyết, 01 quyết định)

⁵ Bao gồm 55 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ (20 nghị quyết, 33 quyết định, 02 chỉ thị); 04 văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần (03 nghị quyết, 01 quyết định).

1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 09/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Bình, Sở Tư pháp ban hành Công văn số 625/STP-VBQPPL&TDTHPL ngày 24/4/2023 về việc ban hành Danh mục văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023. Đồng thời, nhiều sở, ngành và địa phương ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của ngành, địa phương và gửi kế hoạch về Sở Tư pháp theo quy định (6). Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01/3/2023 theo dõi tình hình thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023.

Sở Tư pháp đã tham gia ý kiến đối với 39 văn bản theo đề nghị của các sở, ban, ngành (tăng 26 văn bản so với 6 tháng đầu năm 2022). Ngoài ra, Sở Tư pháp còn cử lãnh đạo, công chức tham dự các cuộc họp của các sở, ban, ngành để giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao

1.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Để triển khai hoạt động PBGDPL trên địa bàn toàn tỉnh thống nhất, có hiệu quả, đúng trọng tâm trọng điểm, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn chỉ đạo như sau: Các Kế hoạch: Số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 19/KH-UBND ngày 16/02/2023 triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023; số 57/KH-UBND ngày 12/04/2022 thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” và số 01/KH-HĐPH ngày 16/01/2023 về hoạt động của Hội đồng PBGDPL năm 2023; Các Công văn: Số 01/HĐPH ngày 01/02/2023 về phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4; số 02/HĐPBGDPL ngày 29/03/2023 về việc thực hiện Đề án "tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL" năm 2023 và số 03/HĐPH ngày 11/04/2023 V/v tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính

⁶ Gồm: (1) Các Quyết định: Số 407/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND huyện Hưng Hà ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Hưng Hà; số 09/QĐ-CTK ngày 18/01/2023 của Cục Thống kê Thái Bình về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành Pháp luật trong lĩnh vực thống kê 2023; số 407/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND huyện Hưng Hà về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện Hưng Hà; số 1414/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện Quỳnh Phụ ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023...; (2) Các Kế hoạch: Số 08/KH-SCT ngày 17/01/2023 của Sở Công thương về theo dõi thi hành pháp luật ngành Công thương năm 2023; số 03/KH-SKHCN ngày 17/01/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ; số 05/KH-SKHCN ngày 16/01/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; số 06/KH-STC ngày 13/01/2023 của Sở Tài chính về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; số 19/KH-UBND ngày 13/01/2023 của UBND thành phố Thái Bình về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố; số 08/KH-UBND ngày 14/01/2023 của UBND huyện Vũ Thư về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn huyện; Công văn số 138/SNNPTNT-TTr ngày 30/01/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023...

trị trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023.v.v. Trên cơ sở kế hoạch của tỉnh, các sở, ngành và địa phương đã chủ động ban hành các văn bản triển khai công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật năm 2023⁷).

Ngoài ra, Sở Tư pháp còn ban nhiều văn bản triển khai, hướng dẫn triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật, như: Các kế hoạch: Số 24/KH-STP ngày 11/04/2023 Kế hoạch Triển khai thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 21/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 25/KH-STP ngày 11/04/2023 Kế hoạch thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023 và số 26/KH-STP ngày 16/04/2023 Kế hoạch truyền thông về đề án quyền con người giai đoạn 2023-2028; Các công văn: Số 187/STP-PBGDPL ngày 22/02/2023 về việc hướng dẫn thực hiện việc chi hỗ trợ hòa giải viên và tổ hòa giải ở cơ sở theo Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP; số 602/STP-PBGDPL ngày 19/04/2023 về việc hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 và số 720/STP-PBGDPL ngày 10/5/2023 về việc kiện toàn đội ngũ Báo cáo viên pháp luật và tuyên truyền viên pháp luật. Tổ chức 01 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ về cung cấp thông tin cho công dân cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023;

Biên soạn Bộ Tài liệu hỏi đáp pháp luật liên quan đến tiêu chí đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, dự kiến in 2.780 bản để cấp phát cho các cơ quan cấp tỉnh, các huyện, thành phố và 260 xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh; phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Thái Bình tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Bộ Luật Hình sự, Bộ luật Dân sự năm, Luật Hộ tịch, Luật Công chứng, Luật Đấu giá tài sản, Luật An ninh mạng, Luật Tố cáo, Luật Khiếu nại, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Bảo hiểm, Luật Hôn nhân và gia đình... Tiếp tục duy trì viết tin, bài tuyên truyền pháp luật đăng tải trên Báo Thái Bình, Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp, của Bộ Tư pháp và

⁷ Gồm các Kế hoạch: Số 150/KH-SGTVT ngày 31/01/2023 của Sở Giao thông vận tải về phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023; số 16/KH-STTTT ngày 06/02/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; số 04/KH-SKHCN ngày 18/01/2023 của Sở KH&CN về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ; số 06/KH-SCT ngày 11/01/2023 của Sở Công thương về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; 113/KH-BTV ngày 16/01/2023 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 09/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND huyện Đông Hưng về phổ biến, giáo dục pháp luật; Trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 09/KH-UBND ngày 14/01/2023 của UBND huyện Vũ Thư về việc ban hành kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 09/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND huyện Hưng Hà về phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 13/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện Thái Thụy về việc phổ biến, giáo dục pháp luật, Hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 15/KH-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện Quỳnh Phụ về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; số 60/KH-UBND ngày 17/04/2023 của UBND huyện Quỳnh Phụ thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ năm 2023

Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Thái Bình⁽⁸⁾ và hệ thống loa truyền thanh cung cấp cho 260 xã, phường, thị trấn.

(Có Biểu mẫu số 02 kèm theo)

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a. Về công bố, công khai TTHC trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia về TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 18 quyết định công bố thủ tục hành chính với tổng số 422 thủ tục hành chính; trong đó có 196 thủ tục hành chính mới ban hành, 46 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 180 thủ tục hành chính bị thay thế, bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời với việc công bố, công khai các TTHC, tỉnh đã địa phương hóa và công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

b. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ngày 13/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023 tại tỉnh Thái Bình. Nội dung Kế hoạch xác định nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC là việc làm thường xuyên, liên tục của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2023.

Thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025, ngày 31/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025. Theo Kế hoạch, các sở, ngành tích cực rà soát TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Tỉnh đã hoàn thành việc công bố, công khai trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

Ngày 05/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1156/QĐ-UBND về việc công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, bao gồm 8 TTHC, trong đó: 01 TTHC lĩnh vực Nội vụ, 03 TTHC lĩnh vực Xây dựng, 04 TTHC lĩnh vực Văn phòng. Đồng thời giao Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các TTHC này, đưa ra phương án đơn giản hóa TTHC tối thiểu 50% tổng số TTHC, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua trước ngày 15/12/2023.

Bên cạnh việc rà soát TTHC theo kế hoạch hàng năm, trong quá trình rà soát, công bố danh mục TTHC áp dụng, thực hiện tại tỉnh, tỉnh Thái Bình chủ động cắt giảm 40% thời hạn giải quyết của các TTHC, tạo điều kiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

c. Về triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh có tổng số 1.732 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương. Trong đó, trong đó có 1.372 TTHC cấp tỉnh, 237 TTHC

⁸Từ đầu năm 2023 đến nay, Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Thái Bình đã đăng tải gần 200 tin, bài; tài liệu hỏi – đáp pháp luật; tờ rơi, tờ gấp tìm hiểu pháp luật; bài giảng pháp luật, văn bản quy phạm; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai công tác PBGDPL...

cấp huyện và 123 TTHC cấp xã. Tổng số TTHC được xây dựng quy trình nội bộ là: 1.659 TTHC/1.732 TTHC.

Bên cạnh đó, tỉnh triển khai thực hiện giải quyết TTHC theo phương án “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, với tổng số 1.508 TTHC; trong đó có 1.291 TTHC được giải quyết theo phương án “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, chiếm 97,4% và 217 TTHC được giải quyết theo phương án “5 tại chỗ” tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, chiếm 96,4% (trừ các TTHC thuộc thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc TTHC quy định phải giải quyết trên môi trường mạng hoặc các TTHC không đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ). 100% TTHC cấp xã được giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh.

d. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

(Có Biểu mẫu số 03 kèm theo)

Thực hiện đầy đủ, thường xuyên việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với dịch vụ hành chính công tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Bình trong 06 tháng đầu năm 2023 có tổng số phiếu đánh giá là 2.329 phiếu (*bao gồm phiếu đánh giá trực tiếp và trực tuyến*). Kết quả: Rất hài lòng: 2.204 phiếu/tổng 2.329 phiếu, đạt 94,63%; Hài lòng: 125 phiếu/tổng 2.329 phiếu, đạt 5,37%; Không có phiếu đánh giá Bình thường và Không hài lòng.

e. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ, về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai số điện thoại, địa chỉ Email tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của đơn vị mình cũng như công khai trên Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã tiếp nhận được 30 phản ánh kiến nghị về quy định hành chính và hành vi hành chính; trong đó số phản ánh kiến nghị về quy định hành chính là: 23, hành vi hành chính là: 07. Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý là: 25, số phản ánh kiến nghị đang xử lý là: 05. Số phản ánh kiến nghị được đăng tải, công khai kết quả xử lý là: 17.

g. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Ngày 24/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Đến nay toàn tỉnh đang giải quyết 1.583 dịch vụ công; trong đó có 992 dịch vụ công toàn trình (chiếm 62,7%); 591 dịch vụ công một phần (chiếm 37,3%).

Ngay sau khi Quyết định được ban hành, các sở, ban, ngành chủ động tái cấu trúc quy trình, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả TTHC, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết TTHC bằng nhiều hình thức khác nhau. Đồng thời, tiếp tục giải quyết các dịch vụ công lĩnh vực Công an, Bảo hiểm xã hội tại Bộ phận Một cửa các cấp.

Ngày 30/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1044/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023.

(Có Biểu mẫu 03 kèm theo).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Trong kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định: số 03/2023/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 quy định quản lý tổ chức bộ máy biên chế, vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Thái Bình; số 575/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 về thành lập Ban Quản lý và Bảo trì công trình đường bộ Thái Bình trực thuộc Sở Giao thông vận tải; số 522/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025; số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thái Bình; số 922/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình trực thuộc Sở Y tế.

Sở Nội vụ tham mưu Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bố trí số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Thẩm định Đề án giải thể Nhà khách sông Trà trực thuộc Sở Công thương; dự thảo báo cáo, dự thảo Quyết định về việc giải thể Nhà khách sông Trà trực thuộc Sở Công thương xin ý kiến các cơ quan đơn vị; tổng hợp, hoàn thiện; Thẩm định, xin ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thẩm định các Đề án Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 09 đơn vị: Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố (Tiền Hải, Hưng Hà, Đông Hưng, thành phố Thái Bình, Quỳnh Phụ); Trung tâm Văn hóa thể thao (thành phố Thái Bình, Quỳnh Phụ), Đài Truyền thanh-Truyền hình (thành phố Thái Bình, Quỳnh Phụ). Rà soát, tổng hợp, hoàn thiện Danh mục cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp trên phần mềm điều tra cơ sở hành chính của Bộ Nội vụ.

Đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Hướng dẫn quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Căn cứ hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn cấp huyện.

Công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc bố trí sử dụng biên chế công chức theo đúng vị trí việc

làm, bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích và theo đúng quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch biên chế của các cơ quan đơn vị và việc bố trí, sử dụng công chức được thực hiện nghiêm túc nên việc giao biên chế công chức sát với nhiệm vụ thực tế và yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, tổ chức sử dụng công chức không vượt quá số biên chế được Bộ Nội vụ giao. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 về việc không giao lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh. Thông báo giao biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thái Bình năm 2023. Ban hành Hướng dẫn tạm thời về việc chuyển lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP sang thực hiện hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 30/12/2022 về quản lý biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2026;

Sở Nội vụ tham mưu Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 28-KL/TW, ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ cho 17 đối tượng; Báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2022 cho 68 trường hợp; Tham gia Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

- Về kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 169/UBND-NCKS ngày 17/01/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; tổ chức thực hiện việc phân cấp theo quy định; đề xuất các nội dung tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu, phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực, trình độ cán bộ, công chức và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực chặt chẽ; đề xuất các nội dung cần phân cấp quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung thuộc ngành, lĩnh vực quản lý phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những việc được phân cấp quản lý.

(Có Biểu mẫu 04 kèm theo)

4. Cải cách chế độ công vụ

Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định: phê duyệt danh mục vị trí việc làm, số biên chế viên chức và hạng viên chức tối thiểu của 12 đơn vị: Trung tâm Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh Thái Bình; Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện (Thái Thụy, Hưng Hà); Bệnh viện Đa khoa (Vũ Thư, Hưng Nhân, Quỳnh Phụ, Kiến Xương); Bệnh viện Mắt; Trung tâm Pháp y; Ban Quản lý và Bảo trì công trình đường bộ Thái Bình trực thuộc Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ tài chính; Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội; Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; các Quyết định điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và hạng viên chức tối thiểu của 03 đơn vị: Trung tâm Phát triển Quỹ đất và Kỹ thuật tài nguyên trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Y tế thành phố trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp.

Sở Nội vụ Hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng Đề án VTVL trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập. Báo cáo Bộ Nội vụ về việc sơ kết đánh giá việc thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ. Việc quản lý biên chế và vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai các Thông tư của Bộ Nội vụ: số 12/2022/TT-BNV, số 13/2022/TT-BNV.

Thái Bình thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng công chức theo đúng quy định của pháp luật bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh. Trong kỳ báo cáo có 08 công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt; có 548 viên chức được tuyển dụng, 07 viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 02/3/2023 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện mở các lớp bồi dưỡng theo đúng kế hoạch bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

(Có Biểu mẫu 05 kèm theo)

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính công, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao quyền tự chủ cho các đơn vị ngay trong dự toán thu, chi ngân sách cho tất cả các đơn vị sự nghiệp, tạo hành lang pháp lý để đơn vị thực hiện tự chủ trong sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, động viên cán bộ, viên chức trong đơn vị tích cực khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ viên chức trong đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; công khai đến cán bộ, công chức và người lao động biết để giám sát và thực hiện, thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho phù

hợp với tình hình thực tiễn. Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của các cơ quan được công khai, minh bạch theo đúng chế độ nhà nước quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan; việc sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng cường công tác quản lý trong nội bộ đơn vị, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương cụ thể như sau:

a) Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước

* Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng ước thực hiện 13.009,3 tỷ đồng, đạt 62% dự toán năm, bằng 91% so với cùng kỳ năm 2022.

* Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 6 tháng ước thực hiện 11.824,9 tỷ đồng, đạt 70,5% dự toán năm, bằng 101,7% so với cùng kỳ năm 2022 (loại trừ thu chuyển nguồn thì tổng thu NSDP đạt 38,6% dự toán năm).

* Thực hiện thu ngân sách ở một số lĩnh vực như sau:

- Thu nội địa: 6 tháng ước thực hiện 3.374,4 tỷ đồng, đạt 29,7% dự toán năm, bằng 69,9% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm tỷ trọng 28,5% tổng số thu NSDP, cụ thể:

+ Thu nội địa từ thuế, phí, lệ phí các cấp NSDP được hưởng (trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, ghi thu - ghi chi, thu đền bù giải phóng mặt bằng) 6 tháng ước thực hiện 2.177,1 tỷ đồng, đạt 35,2% dự toán năm, bằng 86,7% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Thu tiền sử dụng đất: 6 tháng ước thực hiện 1.000 tỷ đồng, đạt 27,3% dự toán năm, bằng 69,5% so với cùng kỳ năm 2022.

- Thu chuyển nguồn năm trước sang: 5.341,3 tỷ đồng (gồm: ngân sách cấp tỉnh 3.459 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện 1.278,4 tỷ đồng, ngân sách cấp xã 603,8 tỷ đồng).

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 6 tháng ước thực hiện 3.219 tỷ đồng, đạt 47% dự toán năm, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Bổ sung cân đối ngân sách 2.750 tỷ đồng; Bổ sung có mục tiêu 469 tỷ đồng.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu: 6 tháng ước thực hiện 1.050 tỷ đồng, đạt 37,5% dự toán năm, bằng 55,6% so với cùng kỳ năm 2022.

b) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công

Tại thời điểm báo cáo, Sở Tài chính đã thực hiện việc tổng hợp, báo cáo giải ngân vốn đầu tư công theo quy định của Bộ Tài chính đối với các dự án cấp tỉnh quản lý như sau: Kế hoạch vốn đầu tư công được cấp do Thủ tướng Chính phủ giao là 3.092.580 triệu đồng; Số đã thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính (tính đến ngày 10/6/2023) là 1.134.234 triệu đồng, đạt tỷ lệ 37%.

C) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:

* Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:

Đến nay, Kiểm toán nhà nước đã thực hiện kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Thái Bình năm 2010, 2012, năm 2014 đến năm 2018, năm 2020, năm 2021 và kiểm toán chuyên đề năm 2013, năm 2019. Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với tỉnh Thái Bình như sau:

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021 là: 139.597.634.171 đồng, số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 105.598.743.431 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 76%, số chưa thực hiện là 33.502.881.740 đồng.

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 là: 49.650.489.119 đồng; số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 4.932.280.376 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 10%; số chưa thực hiện: 44.718.208.780 đồng.

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với Báo cáo kiểm toán chuyên đề hoạt động quản lý thu ngân sách và chi đầu tư XDCB năm 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Bình là 14.743.739.000 đồng; số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 1.444.081.000 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 10%; số chưa thực hiện: 13.299.658.000 đồng.

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2018 là 21.672.500.233 đồng. Số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là 110.638.600 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 1%; số chưa thực hiện: 21.561.861.633 đồng.

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2017 là 6.762.329.994 đồng; số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 2.300.420.000 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 34%; số chưa thực hiện: 4.461.909.994 đồng.

- Số kiến nghị của Kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2016 là 37.755.200.110 đồng; số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 26.208.778.882 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 69%; số chưa thực hiện: 11.546.421.228 đồng.

- Số kiến nghị của kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2015 là 4.775.232.000 đồng; số chưa thực hiện đến ngày 15/5/2023: 4.775.232.000 đồng.

- Số kiến nghị của kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2014 là 1.394.749.824 đồng; số chưa thực hiện đến ngày 15/5/2023: 1.394.749.824 đồng.

- Số kiến nghị của kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với Báo cáo kiểm toán chuyên đề thu thuế doanh nghiệp ngoài quốc doanh, chương trình MTQG việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 -2013 là 3.853.988.240 đồng; số chưa thực hiện đến ngày 15/5/2023: 3.853.988.240 đồng.

- Số kiến nghị của kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2012 là 3.679.304.302 đồng; số chưa thực hiện: 3.679.304.302 đồng.

- Số kiến nghị của kiểm toán nhà nước chưa thực hiện đến ngày 31/12/2022 đối với quyết toán ngân sách địa phương năm 2010 là 2.551.456.718

đồng; số đã thực hiện đến ngày 15/5/2023 là: 70.478.799 đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 3%; số chưa thực hiện: 2.480.977.919 đồng.

* Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra nhà nước về tài chính, ngân sách

Trong kỳ báo cáo, Sở Tài chính đã ban hành Quyết định số 196/QĐ-STC ngày 12/12/2022 về ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023; đã ban hành 05 kết luận thanh tra, trong đó: 02 cuộc theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022 (theo Quyết định số 162/QĐ-STC ngày 13/12/2021); 03 cuộc theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 (theo Quyết định số 196/QĐ-STC ngày 12/12/2022).

- Tổng số tiền kiến nghị xử lý về kinh tế là 2.368,5 triệu đồng; trong đó, kiến nghị thu hồi về NSNN 1.484,3 triệu đồng, xử lý về kinh tế khác: 884,2 triệu đồng (giảm trừ thanh toán công trình XD CB 359,2 triệu đồng, xử lý khác 525 triệu đồng).

- Thực hiện xử lý sau thanh tra, số tiền đã thu hồi về tài khoản tạm giữ của Thanh tra Sở Tài chính tính đến ngày 10/6/2023 là: 803,6 triệu đồng.

- Đối với kiến nghị xử lý khác: Các đơn vị đang tiếp tục đôn đốc thu hồi và giảm trừ thanh toán theo kết luận thanh tra đã được ban hành.

- Về thực hiện đôn đốc sau thanh tra: Sở Tài chính đã ban hành các Quyết định thu hồi (Quyết định số 05/QĐ-STC ngày 13/01/2023, Quyết định số 14/QĐ-STC ngày 08/02/2023, Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 30/5/2023, Quyết định số 51/QĐ-STC ngày 30/5/2023) và gửi công văn đôn đốc các đơn vị thực hiện các kiến nghị trong Kết luận thanh tra theo quy định (Công văn số 532/STC-TTr ngày 09/3/2023, Công văn số 994/STC-TTr ngày 19/4/2023, Công văn số 995/STC-TTr ngày 19/4/2023, Công văn số 996/STC-TTr ngày 19/4/2023, Công văn số 997/STC-TTr ngày 19/4/2023, Công văn số 998/STC-TTr ngày 19/4/2023).

d) Kết quả thực hiện quy định về quản lý tài sản công:

Triển khai Văn bản số 11537/BTC-QLCS ngày 8/11/2022 của Bộ Tài chính về việc thực hiện cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công năm 2022; Văn bản số 818/BTC-QLCS ngày 30/01/2023 về việc cấp mới, duyệt tài khoản sử dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Thực hiện chức năng quản lý tài sản công theo thẩm quyền theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm, thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

** Về sắp xếp, xử lý nhà đất*

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của 302 cơ sở nhà đất bao gồm: 285 cơ sở nhà đất thuộc 37 xã và 47 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng và đơn vị trực thuộc (Văn bản số 122/UBND-KT ngày 13/01/2023; Văn bản số 743/UBND-KT ngày 15/3/2023), trong đó: Giữ lại tiếp tục sử dụng 228 cơ sở nhà đất; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý 54 cơ sở nhà đất; điều chuyển

03 cơ sở nhà đất; Giữ lại tiếp tục sử dụng 17 cơ sở nhà đất thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp và các 3 Doanh nghiệp vốn nhà nước (Văn bản số 433/UBND-KT ngày 22/02/2023); Kiểm tra hiện trạng cơ sở nhà đất của các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các huyện: Tiên Hải, Quỳnh Phụ, Hưng Hà, Vũ Thư; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thống nhất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất là trụ sở làm việc mới, cũ của Kho bạc Nhà nước Quỳnh Phụ thuộc Kho bạc Nhà nước Thái Bình; thống nhất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại tỉnh Thái Bình.

* Về xe ô tô và phương tiện vận tải:

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép các cơ quan, đơn vị mua sắm và thanh lý xe ô tô: Mua sắm: Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy (01 xe công tác chung); Huyện ủy Vũ Thư (01 xe công tác chung); Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải (12 xe chuyên dùng). Thanh lý: Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy (01 xe công tác chung); Huyện ủy Vũ Thư (01 xe công tác chung); Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải (13 xe chuyên dùng).

* Về tài sản khác:

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thanh lý tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh (máy đo loãng xương, nồi hấp urot, dàn máy nội soi tiêu hóa, ống nội soi dạ dày tá tràng, đại tràng); điều chuyển nguyên trạng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ sở nhà đất Trạm Y tế xã cũ và Hợp tác xã nông nghiệp cũ của Ủy ban nhân dân xã Đông Quang, huyện Đông Hưng sang cho Trường tiểu học Đông Quang, huyện Đông Hưng quản lý, sử dụng; điều chuyển nguyên trạng đất và tài sản gắn liền với đất tại 01 cơ sở nhà đất có địa chỉ tại tổ 5, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng của Trường THCS Hợp Hưng, huyện Đông Hưng sang cho Trường THCS Phạm Huy Quang, huyện Đông Hưng quản lý, sử dụng; điều chuyển 01 máy gây mê từ Bệnh viện đa khoa Nam Tiên Hải sang Bệnh viện nhi quản lý, sử dụng; điều chuyển 01 Hệ thống nội soi khí quản, phế quản từ BVĐK Đông Hưng sang Bệnh viện Phổi.

* Các nội dung khác:

Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp nhận, quản lý tài sản gắn liền với đất thu hồi của Nhà Khách Sông Trà; phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất thu hồi của Công ty Cổ phần dịch vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn Tiên Hải tại Thị trấn Tiên Hải, huyện Tiên Hải và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thực phẩm Thái Bình tại phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình; thanh toán giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất thu hồi và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ y tế Thái Bình tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình; tiếp nhận, bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tiên Hải (đường số 5).

e) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC, Sở Tài chính có Công văn số 344/STC-TCHCSN về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 gửi các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp khối tỉnh đề nghị các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh và đơn vị sự

ng nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp I của tỉnh để đơn đốc các đơn vị xây dựng phương án tự chủ giai đoạn 2023 - 2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo số liệu tính đến thời điểm ngày 13/6/2023. Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập khối tỉnh quản lý tính là 107 đơn vị, số đơn vị chưa có Quyết định là 42 đơn vị;

Số đơn vị đã có Quyết định giao quyền tự chủ của năm 2023 là 62 đơn vị, trong đó: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 3 đơn vị. Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 3 đơn vị. Tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%: 2 đơn vị. Tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70%: 4 đơn vị. Tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30%: 8 đơn vị. Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 42 đơn vị. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo – từ 01/01/2023 đến nay): 0.

(Có Biểu mẫu 06 kèm theo)

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tỉnh Thái Bình đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả Đề án Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng đến năm 2025”; Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin của các hệ thống có xử lý thông tin cá nhân trên địa bàn tỉnh; rà soát lỗ hổng Log4shell. Đánh giá mức độ sẵn sàng bảo đảm an toàn thông tin năm 2023 tỉnh Thái Bình; Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Duy trì thực hiện tốt việc quản lý văn bản, điều hành và trao đổi công việc qua Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh; Phát huy hiệu quả của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tiếp tục triển khai các gói thầu thuộc dự án mở rộng hệ thống Camera giám sát giao thông trên tuyến quốc lộ 10 và quốc lộ 39, dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

Triển khai các nhiệm vụ, dự án về công nghệ thông tin theo đúng kế hoạch. Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: “Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh và xây dựng phần mềm nền tảng đô thị thông minh (SCP) tỉnh Thái Bình”. Trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh Thái Bình.

Sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống phần mềm hành chính công điện tử dùng chung được triển khai đồng nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện để thực hiện việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến để triển khai từ tỉnh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nhằm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thủ tục trực tuyến. Đã hoàn thành hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về quy chế quản lý vận hành khai thác sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Bình

Thực hiện Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, toàn tỉnh đang giải quyết 1.583 dịch vụ công; trong đó có 992 dịch vụ công toàn trình (chiếm 62,7%); 591 dịch vụ công một phần (chiếm 37,3%); các sở, ban, ngành chủ động tái cấu trúc quy trình, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả TTHC, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết TTHC bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tiếp tục duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra. Ban Chỉ đạo ISO của tỉnh có Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lựa chọn các Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015. Phê duyệt 38 Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai thực hiện trong năm 2023. Đến hết quý II năm 2023, tổng số các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 là 214, bao gồm: 18 cơ quan cấp sở, ngành; 08 Ủy ban nhân dân cấp huyện; 12 cơ quan cấp Chi cục hoặc đơn vị tương đương trực thuộc cơ quan cấp sở, ngành và 176 UBND cấp xã (quý III năm 2023 sẽ tiếp tục triển khai xây dựng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại 39 Ủy ban nhân dân xã đã đăng ký và được phê duyệt). Mục đích của việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan hành chính nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác CCHC của tỉnh. Ban Chỉ đạo ISO của tỉnh đã xây dựng Kế hoạch tổ chức 05 lớp tập huấn, hỗ trợ các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015. Việc áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị mang lại hiệu quả cao trong hoạt động hành chính.

(Có Biểu mẫu 07 kèm theo)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác CCHC, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2023. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời, đa dạng và đúng trọng tâm, trọng điểm. Các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, nội dung tuyên truyền phản ánh khá đầy đủ kịp thời mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, tăng cường đưa chủ trương, đường lối, chính sách đến mọi người dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được đẩy mạnh. 100% cơ quan hành chính nhà nước đã sử dụng Mạng văn phòng điện tử liên thông trong công việc.

- Công tác cải cách thể chế tiếp tục được tăng cường, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa quy định của Trung ương giao trong phạm vi địa phương thông qua công tác thẩm định, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng về chất lượng, tính hiệu lực và tính hiệu quả; đặc biệt

là tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc nảy sinh trong một số lĩnh vực như: đầu tư, xây dựng, đất đai, sản xuất kinh doanh.

- Việc rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương được triển khai đồng bộ, đúng kế hoạch; Việc chuyển đổi cơ chế hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ về tài chính được triển khai nghiêm túc theo tiến độ đề ra. Công tác quản lý và sử dụng, tinh giản biên chế được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền được thực hiện nghiêm túc giúp tăng tính chủ động, tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Việc thực hiện, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đã mang lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

- Công tác chuyển đổi số của tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực. Các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai đảm bảo 100% khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh được phủ sóng băng rộng (cố định và di động). Triển khai các kênh Zalo OA “Chính quyền số Thái Bình”, trang tin “Thái Bình đồng hành cùng doanh nghiệp”, theo đó, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp của Trung ương và địa phương; thực hiện dịch vụ công trực tuyến và gửi trao đổi hỏi đáp, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp tới các cơ quan, đơn vị liên quan để hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp. Ngành giáo dục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác tuyển sinh đầu cấp tới 100% trường phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt ở 100% trường học trên địa bàn tỉnh. 100% bệnh viện, cơ sở y tế triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện CCHC ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quyết liệt.

- Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích còn thấp.

- Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã có chuyển biến rõ nét nhưng việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân, tổ chức, doanh nghiệp còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị chưa tích cực, quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện CCHC ở ngành, địa phương mình. Đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho CCHC ở một số đơn vị, địa phương còn hạn chế. Điều này thể hiện ở kết quả xếp loại Chỉ số CCHC của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế do người dân còn thói quen truyền thống trực tiếp đến nộp hồ sơ và nhận kết quả.

- Tuy lợi ích của việc triển khai dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC là rất rõ nét, nhưng hiện nay tỷ lệ phát sinh

hồ sơ TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh vẫn chưa nhiều. Nguyên nhân là do: Đối với các tỉnh đồng bằng, hệ thống giao thông đi lại thuận tiện, khoảng cách đến địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC ngắn, nên nhiều người dân không có nhu cầu sử dụng dịch vụ, đặc biệt là tại cấp huyện và cấp xã; mặt khác do tâm lý, thói quen của người dân vẫn muốn được trực tiếp gửi và nhận kết quả giải quyết TTHC và cũng để giảm bớt chi phí.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch CCHC năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban hành các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh CCHC. Tăng cường cải cách chế độ công vụ, công chức và ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC.

- Tổ chức họp sơ kết 6 tháng hoạt động Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh.

- Thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 17/01/2023 về việc thanh tra, kiểm tra công vụ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2023 và Kế hoạch kiểm tra CCHC của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung thực hiện trong Kế hoạch tuyên truyền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo về khắc phục và nâng cao các Chỉ số SIPAS, PAR Index và PAPI nhằm phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế để nâng cao thứ hạng các Chỉ số trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai đo lường Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Thái Bình trên nền tảng công nghệ năm 2023.

- Về cải cách thể chế: Tiếp tục tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020; các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/QĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL, số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/QĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 26/07/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác kiểm tra rà soát văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành; Tổ chức rà soát 100% văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực do các bộ, ngành Trung

ương chỉ đạo. Phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các quy định trái với Hiến pháp, pháp luật, các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội; công bố các văn bản QPPL ngưng hiệu lực và hết hiệu lực theo quy định; Cập nhật kịp thời văn bản QPPL của tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để phục vụ công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, khai thác văn bản QPPL của tổ chức, công dân; Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; nhất là các văn bản chính sách pháp luật có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm.

- Về cải cách tổ chức bộ máy: Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và định suất hợp đồng lao động để hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2024; Tham mưu triển khai Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh sách các đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ 06 tháng cuối năm 2023.

- Về cải cách chế độ công vụ: Thực hiện nghiêm Chỉ thị 09/CT-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Kế hoạch kiểm tra, thanh tra hành chính đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, nội quy, quy chế làm việc, quy định về đạo đức, văn hóa công vụ, tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch và nhiệm vụ do cấp trên giao. Xử lý nghiêm túc, kịp thời theo thẩm quyền đối với công chức, viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, chậm chễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao gây những phiền hà, trong giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp.

- Về cải cách tài chính công: Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 04/2023/TT-BTC, Thông tư số 09/2023/TT-BTC, tập trung nghiên cứu, rà soát, đề xuất các nội dung chi, mức chi cần cụ thể hoá tại địa phương theo quy định của Bộ Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản chế độ của địa phương tương ứng: thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn công đức tại các di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh Thái Bình; xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá các văn bản tại địa phương; Tiếp tục thực hiện quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC; tiếp tục phối hợp với các sở ban ngành cho ý kiến đối với phương án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối tỉnh quản lý để tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023 -2025; xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách của địa phương, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá của các

dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách làm cơ sở từng bước nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, đảm bảo tỷ lệ giải ngân đạt mức cao nhất.

- Về xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số: Tiếp tục thực hiện các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, triển khai phòng họp không giấy tờ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC, trong thực thi công vụ, trong giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Triển khai việc đăng ký thêm các DVCTT toàn trình, cập nhật quy trình giải quyết DVCTT tạo thuận lợi cho công dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC khi có nhu cầu. Tổ chức họp sơ kết 6 tháng hoạt động Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh; ban hành Kế hoạch về dữ liệu mở tỉnh Thái Bình. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ dự án về công nghệ thông tin đảm bảo tiến độ theo kế hoạch. Hướng dẫn các xã thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin truyền thông trong xây dựng nông thôn mới nâng cao. Tiếp tục chuyển đổi đài truyền thanh không dây hoạt động trong băng tần 87-108 MHz sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông; Triển khai việc giao doanh nghiệp bưu chính công ích thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Sở Nội vụ Thái Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT. CCHC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Nghiêm

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /6/2023 của Sở Nội vụ Thái Bình)

Biểu số 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	40	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	40	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Bắt đầu thực hiện kiểm tra từ quý III/2023
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	1	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	Đoàn thanh tra đang tổng hợp

				kết quả
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	110	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	36	72 nhiệm vụ còn trong hạn đang thực hiện
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	2	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2.329	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	2	

25
Biểu số 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	18	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	14	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	4	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	4	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	441	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu số 3**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Kế hoạch hoàn thành trong tháng 10 năm 2023
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	196	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	180	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.732	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.372	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	237	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	123	
2,	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	363	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	294	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	Đang thực hiện	Tiếp tục chờ hướng dẫn của VPCP
3,	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	43 hồ sơ quá hạn
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	30.952	Tổng tiếp nhận 33.188 hồ sơ trong đó có 2.236 hồ sơ

				đang giải quyết
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	30.909	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,8%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	36.288	Tổng số 36.288 hồ sơ trong đó có 2.274 hồ sơ quá hạn
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	34.014	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,54%	Tổng số 46.428 hồ sơ giải quyết trong đó có 210 hồ sơ quá hạn
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	46.428	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	46.218	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	83,3	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)		30	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong		25	Còn 5 PAKN đang giải quyết và trong hạn.

Biểu số 4**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	827	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	61	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	757	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	20,7%	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.818	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.717	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,4	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	29.954	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	27.505	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	19,88	

29
Biểu số 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	27	27/27
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	827	825/825
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	8	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	548	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	7	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	11	

30
Biểu số 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	37	
1.1.	Kế hoạch vốn năm 2022 được giao (cấp tỉnh quản lý)	Triệu đồng	3.092.580	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	1.134.234	Dự án cấp tỉnh quản lý
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương (Khôi tỉnh)	Đơn vị	107	Trong đó có 03 BQL dự án đầu tư.
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	3	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	3	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	14	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>2</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>4</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>8</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	42	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành=1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>		100	Liên thông 2 cấp và 3 cấp đều là 100%
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	98	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	98	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	99	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	97	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	

5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	102	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	260	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	260	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	599	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	102	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.084	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.084	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	442	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	62	DVC/tổng số TTHC: 981/1685
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.344	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.054	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	72,3	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	116.139	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	66.712	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	500	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	500	